

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA xã HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2026/HNGĐ - ST

Ngày: 23/01/2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA xã HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và bà Đỗ Thị Kim Vân;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên;

Ngày 23/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2025/TLST - HNGĐ ngày 18/06/2025, V/v Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1988; HKTT và nơi ở: Thôn N, xã H1, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Trương Văn H**, sinh năm 1986; HKTT và nơi ở: Thôn N, xã H1, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị L trình bày:

- Về tình cảm vợ chồng: Tôi với anh H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T ngày 06/4/2012 (nay là xã H1), kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu và không bị ép buộc. Nghề nghiệp: Chồng tôi lao động tự do, tôi là giáo viên cấp 3 tại xã H1.

Sau kết hôn, vợ chồng tôi sống tại nhà để anh H tại Thôn N, xã H1. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn (02 năm đầu) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, không có

tiếng nói chung (từ tình cảm đến kinh tế). Vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tôi đã làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện T trước đây 02 lần sau tôi lại rút đơn để cho anh H thêm cơ hội nhưng vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2023 cho đến nay (tôi và con vẫn ở nhà chồng, anh H thì thường xuyên vắng nhà, ở đâu và làm việc gì tôi không biết). Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết và có can thiệp, khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Nay tôi xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, tôi xin được Tòa giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn để sớm ổn định công việc và nuôi dạy con chung và tôi xin từ chối hòa giải.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thiên B, sinh 19/4/2021. Ly hôn tôi xin được nuôi con. Vấn đề góp phí tốn nuôi con thì không đặt ra để giải quyết. Thu nhập hiện tại của tôi khoảng 10 triệu/tháng (làm giáo viên).

- Về án phí: Tôi xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn trình bày: Trong quá trình tố tụng anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt mà chỉ liên lạc trình bày lý do không có mặt qua điện thoại. Tại phiên tòa ngày 13/01/2026, anh H có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do bận công việc. Tại phiên tòa hôm nay, anh H có mặt và không ý kiến gì về quan điểm của cô L như đã trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. anh H nhận hoàn toàn lỗi xảy ra dẫn đến vợ chồng ra tòa là do lỗi chủ yếu do anh và anh H xin tòa tạm đình chỉ giải quyết vụ án một thời gian để anh có cơ hội khắc phục và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

* Đại diện gia đình anh Trương Văn H: Ông Trương Văn T, sinh năm: 1961; CCCD số: 00161025502; địa chỉ hiện nay: Thôn N, xã H1, TP Hà Nội, trình bày: Tôi là bố đẻ của cháu Trương Văn H, sinh năm 1986, trú tại thôn N xã H1, thành phố Hà Nội, là bị đơn trong vụ án ly hôn với nguyên đơn là chị Hoàng Thị L, sinh năm 1988. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện T, nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, thụ lý số 171 ngày 18/6/2025 về việc chị Hoàng Thị L xin ly hôn với anh Trương Văn H. Quan điểm của gia đình chúng tôi như sau:

-Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Trương Văn H kết hôn năm 2012. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc được thời gian ngắn có sinh được 01 con là cháu Trương Thiên B. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa do nhiều khúc mắc, áp lực trong cuộc sống, lo toan gia đình, dẫn tới mâu thuẫn kéo dài. Việc chung sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng dẫn đến vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2023.

Quá trình vợ chồng mâu thuẫn và ly thân, gia đình cũng khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Do con tôi là anh Trương Văn H bỏ đi làm ăn vắng mặt thường xuyên ở gia đình, còn chị L vẫn ở tại gia đình và nuôi con. Gia đình cũng có

mong muốn Tòa án hòa giải để cho vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp mà chị L cương quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H theo quy định.

-Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thiên Bao, sinh năm 2021. Ly hôn do cháu Trương Thiên B còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên đề nghị giao quyền nuôi con cho chị Hoàng Thị L. Việc cấp dưỡng đề nghị Tòa xem xét theo quy định pháp luật nếu các bên yêu cầu.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung của vợ chồng, gia đình đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định pháp luật nếu các bên yêu cầu.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án gia đình tôi cũng đã nhận được nhiều giấy tờ như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh H, thông báo phiên hòa giải và gia đình đã thông báo cho anh H biết nội dung các giấy trên nhưng anh H có đến tòa làm việc và giải quyết hay không gia đình không được biết.

Tại phiên tòa qua hòa giải các bên đều có mặt và chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn như đã đề nghị, xin từ chối hòa giải và không đồng ý quan điểm xin tạm đình chỉ vụ án một thời gian như anh H trình bày và chị L cho rằng quá trình chung sống chị đã 02 lần làm đơn ra tòa sau lại rút đơn và đã cho anh H nhiều cơ hội nhưng không đạt kết quả do vậy chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do các bên vẫn giữ nguyên quan điểm nên hòa giải không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành hòa giải,... đúng quy định tại các Điều: 28, 68, 177, 195, 196, 203, 209 Bộ luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết vụ án. Các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 72, Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 38, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị L, cần xử cho chị L được ly hôn anh Trương Văn H.

Về con chung: Giao con chung là Trương Thiên B, sinh 19/4/2021, cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. anh H, chị L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 - Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. anh H và chị L đều trú tại xã H1, thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đều có mặt các bên đương sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Trương Văn H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T ngày 06/4/2012 (nay là xã H1, thành phố Hà Nội), kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu và không bị ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị L thì vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng hơn 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, một mặt do vợ chồng hiếm muộn con (từ tình cảm đến kinh tế), vợ chồng mâu thuẫn đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn ra tòa sau lại rút đơn để cho nhau cơ hội nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau từ năm 2023 cho đến nay. Việc vợ chồng mâu thuẫn và ly thân hai bên gia đình đều biết và có can thiệp nhưng không đạt kết quả. Nay chị L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng căng thẳng không còn hạnh phúc nên xin được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh H có mặt và không có ý kiến gì về quan điểm của chị L đã trình bày, anh H cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là lỗi chính ở anh nhưng xin tòa cho tạm đình chỉ vụ án một thời gian để anh có cơ hội khắc phục, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ và cùng nuôi dạy con chung. chị L xin từ chối hòa giải, xin được giải quyết ly hôn.

Qua lời trình bày của chị L, anh H cùng các tài liệu chứng cứ xác minh tại địa phương, quan điểm của đại diện gia đình ông Trương Văn T (bố đẻ anh H). Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị L và anh H là trầm trọng, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn đã nhiều lần làm đơn ra tòa xin ly hôn, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm tới cuộc sống của nhau từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh H không đạt được, đời sống chung không thể kéo

dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L và cần xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2.Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 con chung Trương Thiên B, sinh 19/4/2021. Ly hôn chị L xin được nuôi con và không đề nghị anh H góp phí tôn nuôi con. anh H xin đoàn tụ nên không có quan điểm về nuôi con; đại diện gia đình ông Trương Văn T (bố đẻ anh H) đề nghị nếu vợ chồng ly hôn do cháu Bảo còn nhỏ nên đề nghị Tòa giao con cho chị L được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Do cháu Trương Thiên B, sinh 19/4/2021 còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của người mẹ. Nên cần giao con cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3.Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu giải quyết nên tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tôn nuôi con chung cho anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự nếu có tranh chấp trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; chị L và anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 38, Điều 51; khoản 1, Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị L đối với anh Trương Văn H;

1. Về hôn nhân: Chị **Hoàng Thị L** được ly hôn anh **Trương Văn H**.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thiên B, sinh 19/4/2021. Ly hôn, giao con Trương Thiên B cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3.Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

4. Tài sản chung, công sức, các khoản vay và cho vay của vợ chồng: chị L xin tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự nếu có tranh chấp theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 23 ngày 18/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: chị L, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 - Hà Nội ;
- VKSND TP Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11- Hà Nội ;
- UBND xã H1, Hà Nội;
- Các đương sự;
- L hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Trí